TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 80/2017/DS-ST
Ngày 28/9/2017
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Ngọc Lợi
Ông Huỳnh Văn Thái
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2017/TLST ngày 13 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2017/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm: 1953 (có mặt)
Bà Đỗ Thị M, sinh năm: 1959 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Nguyễn Văn Th, xã Thạnh L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị M ủy quyền cho ông Huỳnh Văn H theo văn bản ủy quyền đề ngày 13/6/2017.
Bị đơn: Ông Ngô Quốc H, sinh năm: 1979 (có mặt).
Địa chỉ: ấp Thạnh H, xã Thạnh L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1983 (vắng mặt); Địa chỉ: ấp Thạnh H, xã Thạnh L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2015 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Văn H trình bày: Vào ngày 29/6/2004 ông Ngô Quốc H có nhờ ông Â hỏi ông mượn dùm

7.000.000 đồng, số tiền này ông cho ông H mượn, đến ngày 09/5/2008 ông H trả được 2.000.000 đồng, ngày 03/8/2010 trả được 2.000.000 đồng, phần tiền mượn này ông H còn thiếu của ông: 3.000.000 đồng. Ngày 26/9/2009 đến ngày 31/11/2009 tiền phân thuốc vụ 03 năm 2009 còn nợ tổng cộng là 6.713.000 đồng, ngày 11/01/2010 gửi trả 1.000.000 đồng. Còn nợ lại 5.723.000 đồng.

+ Ngày 31/11/2009, đến ngày 11/01/2010 nợ tiền phân thuốc vụ Đông Xuân 2009 - 2010 tổng số 8.112.000 đồng.

Ngày 29/3/2011 hai bên ngồi thống nhất nợ lại với nhau 03 khoản trên là 16.825.000 đồng.

Tất cả các khoản trên hai bên ngồi tính lãi thống nhất với nhau tiền lãi là 4.018.000 đồng, vợ ông H trả 3.000.000 đồng còn nợ lại 1.018.000 đồng.

+ Ngày 26/4/2015 ông H mua thuốc bảo vệ thực vật nợ lại 228.000 đồng.

+ Ngày 09/5/2015 tiền thuốc bảo vệ thực vật và tiền lúa giống nợ lại 3.350.000 đồng.

Đến ngày 17/3/2017 ông và ông H có ngồi cộng nợ lại với nhau, ông viết giấy, ông H kí nhận nợ tổng cộng số tiền còn thiếu 20.403.000 đồng và hẹn ngày trả 30/3/2017, đồng thời ông H có ghi là đối chiếu lại. Ông cũng đồng ý đối chiếu nhưng ngày qua ngày ông H hứa nhưng không trả và cũng không đối chiếu. Nay ông và bà M yêu cầu ông H, bà T trả cho ông, bà số tiền trên và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 30/3/2017 dl theo quy định của Nhà nước.

Ông Ngô Quốc H trình bày: Số nợ trên ông H yêu cầu ông trả là chưa đúng, ông chỉ thiếu của ông H các khoản sau: Mua vật tư nông nghiệp nhiều năm cuối cùng còn thiếu lại 5.000.000 đồng, sau đó có mua thêm lúa giống 3.350.000 đồng và thiếu tiền thuốc 228.000 đồng, tổng cộng ông chỉ còn thiếu của ông H là 8.578.000 đồng, số tiền ông nhờ thầy Â hỏi dùm 7.000.000 đồng ông đã trả xong cho ông H. Ông H yêu cầu ông trả số tiền 20.403.000 đồng và yêu cầu tính lãi là không đúng, ông không đồng ý, chỉ đồng ý trả 8.578.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/3/2017 cho đến ngày xét xử.

Tại bản tự khai đề ngày 21/7/2017, bà T thừa nhận trước đây bà và chồng bà tên Ngô Quốc H có mua vật tư nông nghiệp của ông H và bà M nhưng việc mua bán là do ông H đi mua, bà không biết số lượng bao nhiêu, chỉ biết là vào ngày 29/3/2011 ông H đưa cho bà 3.000.000 đồng đi trả cho bà M, sau đó bà có trả thêm 5.835.000 đồng, lúc trả hai bên không làm giấy tờ hay biên nhận gì. Ngoài ra, thì bà không biết ông H thiếu khoản tiền nào của ông H. Nay ông H và bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả 20.403.000 đồng bà cũng không đồng ý, chỉ đồng ý trả 8.578.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Thời hạn đưa ra xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau: Ông H, bà M đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, đồng thời tại giấy hẹn trả nợ ngày 17/3/2017 ông H cũng đồng ý số tiền còn thiếu của ông H 20.403.000 đồng và xin trả gốc và lãi đầy đủ nhưng có ghi thêm "số tiền đối chiếu xem lại" nhưng kể từ ngày viết giấy hẹn nợ thì ông H không tới đối chiếu sổ sách, ông H chỉ thừa nhận còn nợ 8.578.000 đồng, Tòa án đã yêu cầu ông H và bà T cung cấp tài liệu chứng minh cho lời trình bày của ông, bà là có căn cứ nhưng cho đến nay ông H và bà T cũng không cung cấp được nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H và bà T. Về phần lãi đề nghị tính từ ngày 30/3/2017 là ngày cam kết trả nợ cho đến ngày xét xử theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

{2.1} Xét yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H, bà Đỗ Thị M đối với ông Ngô Quốc H và bà Phạm Thị T về việc ông H, bà T còn thiếu khoản tiền mượn và tiền mua vật tư nông nghiệp của ông H tổng cộng là 20.403.000 đồng. Tại giấy hẹn trả nợ đề ngày 17/3/2017 ông H thừa nhận có ký nhận nợ với ông H và có ghi thêm "số tiền đối chiếu xem lại" nhưng ông H vẫn không đến gặp ông H để đối chiếu sổ sách, ông H đã nhiều lần gặp ông H yêu cầu trả nợ nhưng ông H chỉ hứa mà không trả. Cho đến khi ông H khởi kiện thì ông H, bà T chỉ thừa nhận còn thiếu nợ của ông H và bà M số tiền 8.578.000 đồng. Trong quá trình thụ lý và hòa giải, Tòa án có ra thông báo số 80/TB-TA ngày 21/7/2017 giao cho ông H, bà T và yêu cầu ông H, bà T cung cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh để đối chiếu với số nợ của ông H, bà M yêu cầu; nhưng ông H, bà T vẫn không cung cấp được bất kì loại giấy tờ nào để đối chiếu. Do ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ông H và bà M nên ông H, bà M khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 02 Điều 9 của Bộ luật dân sự năm 2005. Xử buộc ông Ngô Quốc H, bà Phạm Thị T phải trả cho ông Huỳnh Văn H, bà Đỗ Thị M số tiền gốc là 20.403.000 đồng.

{2.2} Ông H, bà M yêu cầu tính lãi suất của số nợ trên theo quy định của pháp luật từ ngày 30/3/2017(dl) cho đến ngày xét xử, đồng thời ông H cũng đồng ý tính lãi kể từ ngày trên. Xét yêu cầu tính lãi của ông H, bà M là có căn cứ phù hợp với quy định tại

Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005. Mức lãi suất là 09%/năm nên mỗi tháng là 0.75%/tháng. Từ ngày 30/3/2017 đến ngày 28/9/2017 là 5 tháng 28 ngày cụ thể như sau:

20.403.000 đồng x 0.75%/tháng x 5 tháng 28 ngày = 907.933 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi ông H phải trả cho ông H là 20.403.000 đồng + 907.933 đồng = 21.310.933 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 01 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết sô 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ông H, bà M được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông H, bà M là 510.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007977 ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông H, bà T phải chịu án phí giá nghạch 5% là: 21.310.933 đồng x 5% = 1.065.546 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 02 Điều 09, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 01 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết sô 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chập nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H, bà Đỗ Thị M đối với ông Ngô Quốc H, bà Phạm Thị T.

Xử buộc ông Ngô Quốc H, bà Phạm Thị T phải trả cho ông Huỳnh Văn H, bà Đỗ Thị M số tiền gốc và lãi là 21.310.933 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm mười nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn H, bà M số tiền tạm ứng án phí là: 510.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007977 ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Ngô Quốc H, bà Phạm Thị T phải chịu án phí giá nghạch 5% là 1.065.546 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày. Ông H, ông H được tính kể từ ngày tuyên án 28/9/2017. Bà T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng